

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **07/2023/HS-ST**

Ngày: 10-3-2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Thạch Hải Âu.**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Phùng Văn Luân.**

Ông **Huỳnh Tấn Trãi.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/HSST-QĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Lê Phong Hữu H, sinh năm 1993. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hữu N, sinh năm 1968 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1968; Tiền án: 00; Tiền sự: 03 lần, Ngày 02/7/2021, bị UBND xã M áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 03 tháng; Ngày 12/9/2022, bị UBND xã M quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 01 năm; Ngày 01/8/2022, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (vỏ lãi); Hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định số 0001212/QĐ-XPHC; Đã nộp phạt ngày 21/11/2022. Đặc điểm nhân thân: Ngày 14/01/2013, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù về tội “Giao cấu với trẻ em” (Bản án số 14/2013/HSST); Chấp

hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2013; Án phí xong năm 2013; đã được xóa án tích; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Cẩm T và một người con tên Lê Hữu N1, sinh năm 2017. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 10 năm 2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1994. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1966 và Huỳnh Thị N2, sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: 01, ngày 14/8/2017 bị Tòa án nhân dân thị xã C xử phạt 07 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 22/2017/HS-ST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2021; Nộp án phí ngày 06/11/2017; Tiền sự: 00. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05 tháng 10 năm 2022 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ tên: **Trần Văn Q**, sinh năm 1997. Nơi sinh: Tiền Giang. Nơi cư trú: Ấp B, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N3, sinh năm 1977 và bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1977; Tiền án: 00; Tiền sự: 00; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Hoàng T3 và một người con tên Nguyễn Nhật N3 sinh năm 2018. Bị cáo được điều tra tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Ông **Nguyễn Văn K**, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông **Nguyễn Văn T3**, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ ngày 03/10/2022, bị cáo Lê Phong Hữu H điều khiển xe máy biển kiểm soát 63B2-575.46 chở bị cáo Nguyễn Minh T lưu thông trên đường Kinh Bao Tràm thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang, thì bị cáo H phát hiện chiếc xuồng dạng vỏ lãi chất liệu composite có gắn động cơ nhãn hiệu HONDA 13HP của ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1979, đang neo đậu dưới Kinh Bao Tràm, được cột dây và khóa bằng dây xích kim loại, nhưng không có người trông giữ. Bị cáo H rủ bị cáo T trộm chiếc xuồng và máy để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Bị

cáo H trực tiếp xuống tháo dây và khóa, bơi chiếc xuống (vỏ lãi) đi, bị cáo T đứng trên đường quan sát cảnh giới. Sau khi bơi khỏi nơi neo đậu khoảng được 20m, bị cáo H kêu bị cáo T điều khiển xe về, còn bị cáo H điều khiển vỏ lãi về.

Đến khoảng 01 giờ cùng ngày, bị cáo H và bị cáo T gặp nhau tại nhà của bị cáo Trần Văn Q. Tại đây, bị cáo Q biết rõ xuống (vỏ lãi) và động cơ mà hai bị cáo H, T mang đến nhà mình là tài sản mới vừa trộm được, nhưng bị cáo Q đã đồng ý chứa chấp các tài sản này, cụ thể: Bị cáo T và bị cáo Q khiêng động cơ từ vỏ lãi lên thêm ba nhà bị cáo Q, bị cáo H và bị cáo Q kéo chiếc vỏ lãi đến ao phía sau nhà để nhận chìm chiếc vỏ lãi dưới ao nhằm cất giấu và không để người khác phát hiện, bị cáo H dùng chìa khóa tháo rời đầu động cơ khỏi giàn sắt xi và giấu trong nhà bị cáo Q, bị cáo Q mang giàn sắt xi chìm xuống ao cất giấu. Qua tin báo của quần chúng nhân dân, Cơ quan CSĐT Công an thị xã C mời H, T, Q về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo H, T, Q khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc xuống (vỏ lãi) bằng chất liệu composite; chiều dài 5,4m; chiều ngang đuôi 82cm; chiều ngang mũi 47cm. Trên phần mũi xuống có chữ PĐC. Nơi rộng nhất thân xuống 85cm, chiều cao đáy đến be xuống 34cm. Có 11 cong xuống. Xuống sơn màu trắng xanh. Chiếc xuống đã qua sử dụng, 01 (một) đầu máy nổ động cơ xăng. Tình trạng không bao vỏ động cơ; không gắn bình nhiên liệu; không gắn pô xả; không gắn nắp giạt khởi động. Đầu máy nổ có ký hiệu HONDA GX 390 389cm³. Số sê ri đầu máy: SXC- JH 188F GCAFH- 0182031. Đầu máy nổ đã qua sử dụng và không rõ trình trạng hoạt động. 01 (một) giàn sắt xi của động cơ thủy bằng kim loại. Khung sắt xi dài 145cm, trong đó khung sắt xi bằng kim loại V 04cm dày 03mm hàn với đoạn ống tuýp rỗng ruột đường kính 27mm hình chữ U. Khung sắt xi gắn ống tuýp kim loại inox dài 164,5cm; đường kính 34mm; dày 03mm. Giàn sắt xi chuyên không; dạng không hộp bên trong hộp không có bánh răng nhỏ đường kính 06cm và bánh răng lớn đường kính 9,5cm; sợi dây sên dài 42cm. Giàn sắt xi không gắn chân vịt. Giàn sắt xi đã qua sử dụng.

- 01 (một) bình nhiên liệu xăng động cơ nổ, đã qua sử dụng.

- 01 (một) nắp chụp mặt giạt khởi động động cơ, nhãn hiệu HONDA 13HP.

- Nhiều đai ốc bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) đoạn dây dù bằng vải màu xanh, đã qua sử dụng. Chiều dài đoạn dây dù 208cm; chiều ngang dây dù 01cm.

- 01 (một) đoạn dây xích bằng kim loại đã qua sử dụng. Chiều dài đoạn dây xích 330cm, mắc dây xích bằng kim loại (sắt) đường kính 06mm. Đoạn dây xích

có một đầu gắn khoen kim loại (sắt) tròn và đầu còn lại gắn móc sắt, cách móc sắt 40cm là vị trí ổ khóa màu bằng kim loại sơn vàng tư thế khóa.

- 01 (một) khoen hình chữ U bằng kim loại.

Theo Kết luận định giá tài sản số 420/KL-HĐĐGTS ngày 10/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phước: Tổng giá trị còn lại của các tài sản nêu trên thành tiền là 12.705.000 đồng (mười hai triệu bảy trăm lẻ năm ngàn đồng).

-Ngày 19/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại toàn bộ tài sản, đồ vật nêu trên cho ông Nguyễn Văn K. Ông K đã nhận lại tài sản.

Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, bị hại ông Nguyễn Văn K yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa, lắp ráp máy nổ với số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.350.000 đồng và bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 650.000 đồng cho bị hại.

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKSTP ngày 12/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Tân Phước để xét xử đối với các bị cáo Lê Phong Hữu H và Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Lê Phong Hữu H và Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Trần Văn Q về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo Lê Phong Hữu H từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Điểm h Khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều 36, Điều 50; Điều i, s Khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 06 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo chịu án phí. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Các bị cáo thống nhất với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội làm lại cuộc đời, trở lại làm ăn chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phước, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, của Kiểm sát viên trong quá trình tiến hành tố tụng điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về sự vắng mặt của những người được triệu tập tham gia phiên tòa:* Tại phiên tòa, bị hại là ông Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Văn T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, quá trình điều tra ông K, ông T3 đã có lời khai đầy đủ, đã nhận lại tài sản và đã nhận tiền bồi thường xong, các bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Xét thấy, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3]. *Về tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo:* Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Phong Hữu H, Nguyễn Minh T và Trần Văn Q đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Lê Phong Hữu H và Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài

sản” quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự như bản Cáo trạng số 05/CT-VKSTP ngày 12/01/2023 truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.1]. Các bị cáo H, T biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, chây lười lao động, ý thức xem thường pháp luật, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đã lợi dụng điều kiện vắng vẻ, ít người qua lại, thiếu cảnh giác trong quản lý tài sản của các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội, trên thực tế các bị cáo đã thực hiện việc chiếm đoạt được tài sản như ý định của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục các bị cáo, cải tạo bản thân các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tài sản hợp pháp của người khác nói riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm, đảm bảo an toàn trật tự xã hội nói chung.

[3.2]. Riêng đối với bị cáo Trần Văn Q, dù không hứa hẹn trước nhưng bị cáo biết rõ tài sản bị cáo H và bị cáo T mang đến nhà mình là do trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn tự nguyện đồng ý để chứa chấp các tài sản này, như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật bảo vệ mà bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm, bị cáo đã bất chấp pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt thật thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. *Xét vai trò đồng phạm trong vụ án; Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:*

[4.1]. Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo. Trong đó, bị cáo Lê Phong Hữu H đóng vai trò là người rủ rê, trực tiếp thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án đã được xóa án tích về tội “Giao cấu với trẻ em” và có 03 tiền sự, ngày 02/7/2021, bị UBND xã M áp dụng biện pháp giáo dục tại xã về hành vi: Sử dụng trái phép chất

ma túy thời hạn 03 tháng; Ngày 12/9/2022, bị UBND xã M quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy thời hạn 01 năm; Ngày 01/8/2022, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (vỏ lãi); Hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng theo Quyết định số 0001212/QĐ-XPHC; Đã nộp phạt ngày 21/11/2022. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đã khắc phục hậu quả xong cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo H.

[4.2]. Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Minh T có vai trò là người giúp sức, cảnh giới cho bị cáo H trực tiếp thực hiện tội phạm. Bản thân bị cáo có 01 tiền án về tội rất nghiêm trọng là “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/10/2021, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm quy định tại Điều 53 Bộ luật Hình sự nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo và đã khắc phục hậu quả xong cho bị hại, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo T.

[4.3]. Đối với bị cáo Trần Văn Q, bị cáo không hứa hẹn trước với các bị cáo H, T, bản thân bị cáo biết rõ tài sản nêu trên là do các bị cáo H, T trộm cắp mà có nhưng đã đồng ý chứa chấp tài sản này, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, chấp hành tốt pháp luật tại địa phương. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm i, Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội không có động cơ mục đích vụ lợi, nhưng do vì nể nang bạn bè nên đã thực hiện việc chứa chấp tài sản do các bị cáo khác trộm cắp có được, mặt khác bị cáo có nhân thân tốt, tuân thủ chính sách, pháp luật tại địa phương, trong thời gian tại ngoại, bị cáo không vi phạm pháp luật, không có hành vi bỏ trốn nên bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần thiết cách ly ra ngoài xã hội. Hội đồng

xét xử xét cần thiết áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Xét bị cáo là lao động tự do, không có việc làm ổn định, không xác định được thu nhập hàng tháng nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[4.4]. *Về hình phạt bổ sung:*

Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. *Về vật chứng của vụ án:*

[5.1]. Đối với 01 (một) chiếc xuồng (vỏ lãi) bằng chất liệu composite; chiều dài 5,4m; chiều ngang đuôi 82cm; chiều ngang mũi 47cm. Trên phần mũi xuồng có chữ PĐC. Nơi rộng nhất thân xuồng 85cm, chiều cao đáy đến be xuồng 34cm. Có 11 cong xuồng. Xuồng sơn màu trắng xanh. Chiếc xuồng đã qua sử dụng. 01 (một) đầu máy nổ động cơ xăng. Tình trạng không bao vỏ động cơ; không gắn bình nhiên liệu; không gắn pô xả; không gắn nắp giạt khởi động. Đầu máy nổ có ký hiệu HONDA GX 390 389cm³. Số sê ri đầu máy: SXC- JH 188F GCAFH- 0182031. Đầu máy nổ đã qua sử dụng và không rõ trình trạng hoạt động. 01 (một) giàn sắt xi của động cơ thủy bằng kim loại. Khung sắt xi dài 145cm, trong đó khung sắt xi bằng kim loại V 04cm dày 03mm hàn với đoạn ống tuýp rộng ruột đường kính 27mm hình chữ U. Khung sắt xi gắn ống tuýp kim loại inox dài 164,5cm; đường kính 34mm; dày 03mm. Giàn sắt xi chuyên nhông; dạng nhông hộp bên trong hộp nhông có bánh răng nhỏ đường kính 06cm và bánh răng lớn đường kính 9,5cm; sợi dây sên dài 42cm. Giàn sắt xi không gắn chân vịt. Giàn sắt xi đã qua sử dụng.

- 01 (một) bình nhiên liệu xăng động cơ nổ, đã qua sử dụng.
- 01 (một) nắp chụp mặt giạt khởi động động cơ, nhãn hiệu HONDA 13HP.
- Nhiều đai ốc bằng kim loại, đã qua sử dụng.
- 01 (một) đoạn dây dù bằng vải màu xanh, đã qua sử dụng. Chiều dài đoạn dây dù 208cm; chiều ngang dây dù 01cm.
- 01 (một) đoạn dây xích bằng kim loại đã qua sử dụng. Chiều dài đoạn dây xích 330cm, mắc dây xích bằng kim loại (sắt) đường kính 06mm. Đoạn dây xích có một đầu gắn khoen kim loại (sắt) tròn và đầu còn lại gắn móc sắt, cách móc sắt 40cm là vị trí ổ khóa màu bằng kim loại sơn vàng tư thế khóa.
- 01 (một) khoen hình chữ U bằng kim loại.

Ngày 19/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại toàn bộ tài sản, đồ vật nêu trên cho ông Nguyễn Văn K. Ông K đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.2]. Đối với xe mô tô 2 bánh biển kiểm soát 63B2-575.46 là phương tiện các bị cáo H, T sử dụng để đi trộm cắp tài sản, qua điều tra xác định đây là tài sản của ông Nguyễn Văn T3 (cha của bị cáo T), ông T3 không biết, không có lỗi trong việc các bị cáo sử dụng xe máy làm phương tiện để trộm cắp tài sản nêu trên nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không thu giữ là hợp lý.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị hại Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và có yêu cầu các bị cáo bồi thường 2.000.000 đồng chi phí sửa chữa, lắp ráp máy nổ. Bị cáo H đã tự nguyện bồi thường số tiền 1.350.000 đồng và bị cáo T đã tự nguyện bồi thường số tiền 650.000 đồng cho bị hại, ông K đã nhận xong.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo H, T tự nguyện bồi thường số tiền như trên. Bị cáo H không yêu cầu Tòa án xem xét lại tỉ lệ chịu trách nhiệm dân sự của từng bị cáo, không yêu cầu các bị cáo khác hoàn trả gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T3 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

[9]. Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Lê Phong Hữu H** và **Nguyễn Minh T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo **Trần Văn Q** phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Phong Hữu H 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/10/2022.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; Điều 50; các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh T 01 (một) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/10/2022.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 323; Điều 36; Điều 50; các Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 260, 299 và Điều 327 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Q 12 (mười hai) tháng** cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo **Trần Văn Q** cho Ủy ban nhân dân xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo **Trần Văn Q** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

2. Về án phí:

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Buộc bị cáo **Lê Phong Hữu H** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo **Nguyễn Minh T** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo **Trần Văn Q** phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo:

- Áp dụng các Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn T3 được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Công an huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã M;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Hải Âu

